

Bản án số: 306/2025/HC-PT
Ngày 21 – 03 – 2025
V/v: “Buộc thực hiện hành vi hành chính”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 733/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2024 việc: “Buộc thực hiện hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2024/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3514/2024/QĐPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Trương Thị Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: số F đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Đ: ông Đỗ Văn M, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn H - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Hồng T - Chủ tịch UBND thành phố T (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Hồ Hoài V, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (vắng mặt) và ông Phan Lê M1, chức vụ: Quyền Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Hoàng C, sinh năm 1974 (vắng mặt).
 2. Bà Đinh Thị Thủy T1, sinh năm 2002 (vắng mặt).
 3. Bà Đinh Hoàng Ngọc T2, sinh năm 2002 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: số F H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.
- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Trương Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trương Thị Đ trình bày như sau:

Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện hành vi hành chính, giải quyết chuyển nhượng cho bà Trương Thị Đ 01 nền nhà tái định cư, theo quy định tại Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh L.

Lý do: Ủy ban nhân dân thành phố T đã thu hồi hết đất ở của gia đình bà Trương Thị Đ 176,5 m² (*tương đương 2 nền nhà đất đất vàng*) số 79 đường H, Phường B, thành phố T, nơi bà Trương Thị Đ đang cư trú hợp pháp; Quyết định thu hồi đất số 6748/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 và số 3887/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND thành phố T. Nhưng chỉ giải quyết 1 nền tái định cư cho bà Trương Thị Đ.

Gia đình bà Trương Thị Đ đã gửi nhiều Đơnngghị, khiếu nại nhiều lần đến nhiều nơi; Kết quả đều do B Quảnđự án Đầu tư Xâythành phố T và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T trả lời; Căn cứ vào Bản xác minh không hợp pháp của Ban Quảnđự án Đầu tư xâythành phố T và UBND Phường2 tạo ra sau 2 năm gia đình bà Trương Thị Đào D nhà giao đất cho dự án, bà Trương Thị Đ không được mua nền nhà tái định cư. Ba cặp vợ chồng có hộ khẩu hợp pháp tại số G H chưa được mua nền nhà tái định cư, phải thuê đất làm nhà ở tạm.

Ngày 17/7/2023 bà Trương Thị Đ gửi đơnkhiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố T với nội dung nêu trên.

Ngày 20/10/2023 Ủy ban nhân dân thành phố T trả lời bằng Công văn số 4732/UBND-NCTCD, do Q.Chủ tịch Võ Hồng T ký, với nội dung bà Trương Thị Đ chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết được mua nền nhà.

Người bị kiện UBND thành phố T có Văn bản số 1875/UBND-NC ngày 06/5/2024 nội dung như sau:

Người khởi kiện của bà Trương Thị Đ khiếu kiện buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, UBND thành phố T có ý kiến:

1. Chủ trương thực hiện dự án

Căn cứ Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố T và Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố T.

Căn cứ Công văn số 3724/UBND-KTTC ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh L về việc chủ trương hỗ trợ vốn và lập dự án giải phóng mặt bằng Công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2);

Căn cứ Công văn số 4444/UBND-KTTC ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh L về việc chủ trương đầu tư dự án giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T giai đoạn 2;

Ngày 23/7/2020, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3552/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch tiến độ giải phóng mặt bằng dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2). Địa điểm: phường 2.

2. Trình tự thủ tục thực hiện kê biên, thu hồi đất và bồi thường cho bà Trương Thị L.

Ngày 01/7/2020, Thông báo thu hồi đất từng hộ để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2), được công bố triển khai đến từng hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng trong dự án (*đính kèm Thông báo và biên bản họp công bố triển khai ra dân*). Đồng thời, cũng được công bố rộng rãi trên Đài phát thanh phường B, Đài Truyền hình L, B2 và được niêm yết các chủ trương để thực hiện dự án tại trụ sở UBND phường B3 theo quy định.

Ngày 01/7/2020, UBND thành phố có Thông báo về việc thu hồi đất của bà Trương Thị L để thực hiện dự án.

Ngày 29/7/2020, Hội đồng bồi thường tái định cư thành phố triển khai chủ trương thu hồi đất và có kiểm đếm đất đai tài sản trên đất để bồi thường giải phóng mặt bằng của bà Trương Thị L; thông báo thu hồi đất dự án Giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2).

Ngày 05/11/2020, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư phối hợp với UBND phường B3 họp dân lấy ý kiến và niêm yết công khai về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 11/12/2020, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư đã đối thoại với trường hợp còn ý kiến chưa đồng ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của dự án: Giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2). Địa điểm: Phường B, thành phố T.

Ngày 30/12/2020 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 6742/QĐ-UBND của thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 4) dự án: Giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2), tại Phường B, thành phố T. Cụ thể, đối với bà Trương Thị L ngày 30/12/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 6748/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 169, tờ bản đồ số 12, loại đất ONT, diện tích 166,5m² của bà Trương Thị L; Quyết định 6794/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ của bà Trương Thị L với số tiền 4.248.859.000 đồng.

Ngày 04/2/2021 Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng phối hợp với UBND phường B3 tiến hành công bố phương án và chi trả tiền bồi thường hỗ trợ cho bà Trương Thị L với số tiền là 4.248.859.000 đồng.

Ngày 17/3/2021 Hội đồng bồi thường tái định cư thành phố có biên bản họp thống nhất diện tích mất đất do làm đường H, dự án Giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2).

Trên cơ sở ý kiến của hộ dân ngày 03/5/2021 Ban Q đã phối hợp với địa phương và các ban ngành tiến hành xác minh bổ sung đất đai và các tài sản khác trong phạm vi giải phóng mặt bằng, dự án Giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2).

Ngày 17/5/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1590/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 6748/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Trương Thị L, thu hồi thửa đất số 169, tờ bản đồ số 12, loại đất ONT, từ diện tích 166,5m² thành 171.5m² của bà Trương Thị L; Quyết định 1595/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc phê duyệt tiền bồi thường, hỗ trợ của bà Trương Thị L.

Ngày 10/6/2021 Hội đồng bồi thường tái định cư thành phố tiến hành công bố và chi trả tiền bồi thường hỗ trợ (bổ sung) cho bà Trương Thị L với số tiền là 110.189.000 đồng.

Ngày 05/11/2021 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3849/QĐ-UBND của thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 6) dự án: Giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2), tại Phường B, thành phố T. Và ngày 30/11/2021 Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng phối hợp với địa phương tiến hành chi trả tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng và thuê nhà tạm cư cho bà Trương Thị L với số tiền 45.000.000 đồng, tại Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 05/11/2021.

3. Quá trình giải quyết ý kiến của bà Trương Thị L

Sau khi công bố, niêm yết dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2). Địa điểm: Phường B, thành phố T, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư nhận được phiếu ý kiến của hộ bà Trương Thị L; Hội đồng bồi thường đã có văn bản số 1362/UBND-HĐBT ngày 09/12/2020 về việc trả lời ý kiến của hộ như sau: “*Về bồi thường theo diện tích đất: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.*

Về đơn giá bồi thường đất: Thực hiện theo bản vẽ trích đo và thống kê danh sách các hộ cần phải thu hồi đất trong phạm vi dự án do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất tại thành phố T cung cấp, thì thửa đất thổ của bà nằm trong phạm vi 50m đầu trực tiếp tiếp giáp đường H, được bồi thường với đơn giá là 22.037.800 đồng/m² và đơn giá này đã được khảo sát thực tế, cân đối giá trên địa bàn, được Sở T5 thẩm định, trình UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 để áp giá bồi thường cho công trình này. Như vậy, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố T đã áp giá đúng với đơn giá được UBND tỉnh phê duyệt.

Về đơn giá đất tái định cư: Thực hiện công văn số 3785/UBND-VP ngày 10/11/2020 của UBND thành phố T dự kiến bố trí tái định cư các hộ đủ điều kiện thuộc dự án nêu trên tại 03 vị trí Khu dân cư I (giai đoạn 1), Khu dân cư L, Khu tái định cư S, phường K. Hội đồng bồi thường lập Phương án bố trí tái định cư cho các hộ đủ điều kiện theo quy định, trình cấp thẩm quyền quyết định giao đất tái định cư từng trường hợp cụ thể theo vị trí, diện tích, đơn giá được UBND tỉnh phê duyệt và sẽ thông báo đến các hộ dân theo quy định.”

Hội đồng đã bàn giao lô đất tái định cư cho các trường hợp đủ điều kiện tái định cư trong đó có bà Trương Thị L tại Quyết định 1653/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 về việc phê duyệt kết quả bốc thăm lô đất tái định cư tại khu tái định cư S phường K.

Tiếp tục ngày 22/02/2022 bà Trương Thị L có ý kiến đề nghị được bố trí thêm lô đất tái định cư.

Ngày 23/3/2022 UBND phường B3 có văn bản trả lời về việc rà soát nhân khẩu thực tế có sinh sống tại vị trí thu hồi đất đối với hộ bà Trương Thị L thuộc dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2) là tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T chỉ có bà Trương Thị Đ cùng chồng là Đinh Hoàng C và con gái là Đinh Hoàng Ngọc T2 thực tế sinh sống tại địa chỉ trên, các thành viên còn lại thực tế không sinh sống và lưu trú tại địa chỉ trên.

Ngày 09/6/2022, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư có Văn bản số 580/HĐBT-GPMB về việc trả lời kiến nghị của bà Trương Thị L như sau:

“1/ Về tình hình biến động nhân khẩu tại hộ G đường P: Tổng số nhân khẩu trong hộ khẩu là 15 nhân khẩu. Trong đó: Nhân khẩu đã chuyển đi: 04 nhân khẩu, nhân khẩu đã chết: 01 nhân khẩu, nhân khẩu hiện tại còn lại (02 nhân khẩu) và chuyển nhận mới tháng 5 và 6 năm 2020 (08 nhân khẩu) vào địa chỉ số G đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An: 10 nhân khẩu.

2/ Về tình hình sử dụng đất trên địa bàn phường B của các thành viên trong hộ khẩu tại số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ địa chính trên địa bàn phường B, các thành viên cùng cư trú tại hộ khẩu trên thì chỉ có bà Trương Thị L là chủ sử dụng đất (đã bị thu hồi theo dự án Công viên phường B, giai đoạn 2), các thành viên còn lại chưa là chủ sử dụng đất tại thửa nào trên địa bàn phường B.

3/ Về thường trú, lưu trú trên địa bàn phường tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An: Tại biên bản xác minh ngày 22/3/2022 thì các thành viên trong hộ khẩu tại số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An chỉ có bà Trương Thị Đ ông Đinh Hoàng C và bà Đinh Hoàng Ngọc T2 là có thường trú thường xuyên ở và kinh doanh bánh kem tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Còn các thành viên còn lại không có ở, lưu trú thường xuyên tại địa chỉ trên.

Căn cứ các quy định nêu trên và kết quả xác minh thì chỉ có bà Trương Thị Đ ông Đinh Hoàng C và bà Đinh Hoàng Ngọc T2 là có thực tế ăn ở tại nơi thu hồi đất. Các thành viên còn lại không ở, lưu trú và thường trú thường xuyên tại địa chỉ trên, nên không có cơ sở giải quyết cho hộ bà L mua thêm nên tái định cư.”

Ngày 06/2/2023, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư có Văn bản số 88/HĐBT-GPMB về việc trả lời kiến nghị của bà Trương Thị L như sau: “Thực hiện Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt đơn giá tái định cư đối với dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên P, thành phố T (giai đoạn 2) (Cải tạo rạch Mũi Tàu. Dự án: Nâng cấp đô thị - L Mũi T) trên địa bàn Phường B, thành phố T; tại khoản 1 Điều 1, về đối tượng bố trí tái định cư:

“- Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không còn chỗ ở khác trên địa bàn xã, phường nơi có đất bị thu hồi thì được mua 01 lô nền tái định cư theo giá tái định cư.

- Trường hợp trong cùng một hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không còn chỗ ở nào trên địa bàn xã, phường nơi có đất bị thu hồi thì từ cặp thứ 2 trở lên (không tính cặp chủ hộ), mỗi cặp được mua thêm 01 (một) lô nền tái định cư theo giá tái định cư”.

Và trên cơ sở văn bản số 169/CV-UBND ngày 23/3/2022 của UBND phường B3 về việc rà soát nhân khẩu thực tế có sinh sống tại vị trí thu hồi đất đối với hộ bà Trương Thị L thuộc dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2) xác định: “Tại biên bản xác minh với ông Ngô Kim T3 – Trưởng Khu phố 2 vào lúc 14 giờ ngày 22/3/2022, các thành viên trong hộ khẩu tại số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An chỉ có bà Trương Thị Đ, ông Đinh Hoàng C và bà Đinh Hoàng Ngọc T2 là có thường trú thường xuyên ở và kinh doanh bánh kem tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T, Long An. Còn các thành viên còn lại không có ở, lưu trú và thường trú thường xuyên tại địa chỉ trên.”. Do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã có văn bản trả lời cụ thể tại công văn số 580/HĐBT-GPMB ngày 09/6/2022 về việc trả lời kiến nghị của bà Trương Thị L, dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2).

Vì vậy trên cơ sở ý kiến đề nghị được mua 02 nền nhà bằng giá thành xây dựng là không có cơ sở để thực hiện.”

Ngày 10/4/2023, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư có cuộc họp lấy ý kiến các hộ dân trong khu vực lân cận đối với các trường hợp sinh sống, sinh hoạt, thực tế và có đăng ký lưu trú tại số nhà G, H, phường B, thành phố T. Qua ý kiến các hộ dân trong khu vực lân cận xác định thực tế ăn ở và sinh sống tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T thì chỉ có bà Trương Thị Đ cùng chồng là Đinh Hoàng C và con gái là Đinh Hoàng Ngọc T2 thực tế sinh sống tại địa chỉ trên, các thành viên còn lại thực tế không sinh sống và lưu trú tại địa chỉ trên.

Ngày 11/5/2023 Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư đã có Văn bản số 580/HĐBT-TNMT về việc trả lời kiến nghị của bà Trương Thị Đ, như sau: “Theo Kết luận của Chủ tịch Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án ngày 01/10/2021 trong đó: “Ý kiến của trường hợp hộ bà Trương Thị L đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Văn M, giao UBND phường B3 xác minh làm rõ trường hợp trong cùng một hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) thực tế có cùng sinh sống, đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở hay không, mà không còn chỗ ở nào trên địa bàn xã, phường nơi có đất bị thu hồi để được xem xét giải quyết theo quy định”.

Qua tổng hợp báo cáo của UBND phường B3 (Công văn số 169/CV-UBND ngày 23/3/2022) về việc rà soát nhân khẩu thực tế có sinh sống tại vị trí thu hồi đất đối với hộ bà Trương Thị L, thuộc dự án GPMB Công viên phường B thành phố T (GD 2) như sau: “Các thành viên trong hộ khẩu tại số G, H, phường B, thành phố T là chỉ có bà Trương Thị Đ, ông Đinh Hoàng C và bà Đinh Hoàng Ngọc T2 có thường trú thường xuyên ở và kinh doanh bánh kem, còn các thành viên khác còn lại không có ở, lưu trú và thường trú tại địa chỉ nêu trên”.

Trên cơ sở đề xuất, xin ý kiến ngành Tỉnh hướng dẫn vướng mắc (Công văn số của UBND thành phố); Sở T5 có văn bản số 2279/STNMT-QLĐĐ ngày 05/4/2023, cụ thể: “Theo quy định của pháp Luật Đất đai, việc xét đối tượng và điều kiện mua nền tái định cư thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Do đó, Sở T5 đề nghị UBND thành phố T chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ kết quả xác minh thực tế giải quyết khi đảm bảo đủ điều kiện”.

Ngày 10/4/2023, Hội đồng Bồi thường phối hợp các phòng ban liên quan, UBND phường B3, cùng các hộ dân sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi và lân cận giáp ranh với dự án nêu trên để lấy ý kiến đối với các trường hợp có tên trong sổ hộ khẩu tại số nhà G H phường B, thành phố T trong đó cuộc họp ghi nhận ý kiến của các hộ dân có nội dung tại địa chỉ nhà nêu trên thực tế chỉ có bà Trương Thị Đ, ông Đinh Hoàng C và bà Đinh Hoàng Ngọc T2 có thường trú thường xuyên ở, đăng ký lưu trú tại Khu phố, còn các thành viên khác còn lại có tên trong sổ hộ khẩu thực tế không có sinh sống thực tế, sinh hoạt; không có đăng ký lưu trú tại địa chỉ này và chúng tôi còn không biết mặt những người đó.

Căn cứ vào các điều kiện xác minh thực tế, đối chiếu quy định của pháp luật, thì trường hợp ý kiến của bà Trương Thị Đ đề nghị được mua 02 nền nhà bằng giá thành xây dựng là chưa có đủ cơ sở, điều kiện để được xem xét giải quyết.”

Đối với dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên P, thành phố T (giai đoạn 2), Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tham mưu Hội đồng, bồi thường hỗ trợ chỉ thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Trương Thị L là chủ sử dụng đất nằm trong dự án. Riêng đối với trường hợp bà Trương Thị Đ là chủ hộ theo sổ hộ khẩu số 400184268, tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T nhưng không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp cũng như chủ sở hữu nhà ở trên đất, bị ảnh hưởng thu hồi trong dự án. Ban Q không thực hiện giải phóng mặt bằng đối với bà Trương Thị Đ.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét giải quyết theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2024/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, quyết định:

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ đối với UBND thành phố T về việc “Buộc thực hiện hành vi hành chính”.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Đào B1 Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An giải quyết cho bà Trương Thị Đ 01 nền nhà tái định cư.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/7/2024, người khởi kiện bà Trương Thị Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà Trương Thị L và Trương Thị Đ là đồng sở hữu nhà đất bị thu hồi và cư trú trong nhà có nhiều cặp vợ chồng cùng sinh sống. Ủy ban thành phố T thu thập ý kiến khu dân cư là không khách quan vì lấy ý kiến của những người không biết rõ về những người cùng sinh sống tại địa chỉ G đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Đ theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Theo quyết định của UBND tỉnh L quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có quy định nào quy định thời gian nhập hộ khẩu bao nhiêu mà chỉ cần thỏa mãn điều kiện có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không còn chỗ ở nào trên địa bàn xã, phường nơi có đất bị thu hồi thì từ cặp thứ 2 trở lên (không tính cặp chủ hộ), mỗi cặp được mua thêm 01 (một) lô nền tái định cư theo giá tái định cư. Do đó tại căn nhà số G đường H thực tế có nhiều cặp vợ chồng cùng đăng ký thường trú, căn nhà bị giải tỏa trắng, không còn chỗ ở nào khác nên đủ điều kiện để được mua thêm 01 lô nền tái định cư.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Thực tế tại số G đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An chỉ có vợ chồng bà Trương Thị Đ và con gái sinh sống và đăng ký thường trú. Những người khác mới nhập khẩu vào số 79 là vào các ngày 22/6/2020 và 26/6/2020 là thời điểm chủ trương đầu tư dự án giải phóng mặt bằng công viên phường B, thành phố T giai đoạn 2 đã được ban hành. Do đó không thỏa mãn điều kiện “*Trường hợp trong cùng một hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không còn chỗ ở nào trên địa bàn xã, phường nơi có đất bị thu hồi thì từ cặp thứ 2 trở lên (không tính cặp chủ hộ), mỗi cặp được mua thêm 01 (một) lô nền tái định cư theo giá tái định cư*” như quy định của UBND tỉnh. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, mặc dù trong hộ khẩu số 79 H có 03 cặp vợ chồng (trừ cặp vợ chồng của bà Trương Thị L) nhưng không đủ điều kiện mua 02 lô nền tái định cư, vì căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện các cặp vợ

chồng Đỗ Trọng V1 và Nguyễn Thị Xuân T4, vợ chồng Đỗ Trọng Q và Lâm Yên N đi làm ăn xa cuối tuần mới về; tại số nhà G H chỉ có bà Trương Thị Đ, ông Đinh Hoàng C và Đinh Hoàng Ngọc T2 là thường trú thường xuyên. Mặt khác, thời gian vợ chồng Đỗ Trọng V1 và Nguyễn Thị Xuân T4, vợ chồng Đỗ Trọng Q và Lâm Yên N nhập khẩu vào nhà số A H trước khi có chủ trương lập dự án chỉ có 04 ngày. Thời gian sinh sống ngắn nên tại thời điểm thu hồi đất các cặp vợ chồng này không thể cho là đủ điều kiện tách hộ riêng. Như vậy các hộ này không đủ điều kiện để được mua thêm nền tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 5 Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh L. Do đó đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trương Thị Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:

Bà Trương Thị Đ khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện hành vi hành chính, giải quyết chuyển nhượng cho bà Trương Thị Đ 01 nền nhà tái định cư, theo quy định tại Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh L. Đây là khiếu kiện buộc thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 17/7/2023, bà Trương Thị Đ khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố T về việc không được giải quyết một lô nền tái định cư. Ngày 20/10/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Công văn số 4732/UBND-NCTCD trả lời bà Trương Thị Đ chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết được mua nền nhà. Ngày 13/11/2023, bà Trương Thị Đ khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của bà Đ vẫn còn thời hiệu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L; Quyết định số 2698/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt đơn giá tái định cư đối với dự án: Giải phóng mặt bằng Công viên P, thành phố T (giai đoạn 2) (Cải tạo rạch Mũi Tàu. Dự án: Nâng cấp đô thị - L Mũi T) trên địa bàn Phường B, thành phố T quy định về đối tượng bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không còn chỗ ở khác trên địa bàn xã, phường nơi có đất bị thu hồi thì được mua 01 lô nền tái định cư theo giá tái định cư.

- Trường hợp trong cùng một hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống, đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không còn chỗ ở nào trên địa bàn xã, phường nơi có đất bị thu hồi thì từ cặp thứ 2 trở lên (không tính cặp chủ hộ), mỗi cặp được mua thêm 01 (một) lô nền tái định cư theo giá tái định cư.

Đối với trường hợp thu hồi đất của hộ bà Trương Thị L tại số G H, Phường B trong hộ khẩu nhà bà L thể hiện có 04 cặp vợ chồng gồm: vợ chồng bà Trương Thị L, ông Đỗ Văn M; vợ chồng bà Trương Thị Đ, ông Đinh Hoàng C; vợ chồng con bà Đ là ông Đỗ Trọng V1, bà Nguyễn Thị Xuân T4; ông Đỗ Trọng Q và bà Lâm Yến N.

Tuy nhiên, theo rà soát của UBND phường B3 về nhân khẩu thực tế sinh sống tại vị trí thu hồi đất đối với hộ bà Trương Thị L thể hiện:

1/ Về tình hình biến động nhân khẩu tại hộ G đường P: Tổng số nhân khẩu trong hộ khẩu là 15 nhân khẩu. Trong đó: Nhân khẩu đã chuyển đi: 04 nhân khẩu, nhân khẩu đã chết: 01 nhân khẩu, nhân khẩu hiện tại còn lại (02 nhân khẩu) và chuyển nhận mới tháng 5 và 6 năm 2020 (08 nhân khẩu) vào địa chỉ số G đường H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An: 10 nhân khẩu.

2/ Về tình hình sử dụng đất trên địa bàn phường B của các thành viên trong hộ khẩu tại số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ địa chính trên địa bàn phường B, các thành viên cùng cư trú tại hộ khẩu trên thì chỉ có bà Trương Thị L là chủ sử dụng đất (đã bị thu hồi theo dự án Công viên phường B, giai đoạn 2), các thành viên còn lại chưa là chủ sử dụng đất tại thửa nào trên địa bàn phường B.

3/ Về thường trú, lưu trú trên địa bàn phường tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An: Tại biên bản xác minh ngày 22/3/2022 thì các thành viên trong hộ khẩu tại số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An chỉ có bà Trương Thị Đ, ông Đinh Hoàng C và bà Đinh Hoàng Ngọc T2 là có thường trú thường xuyên ở và kinh doanh bánh kem tại địa chỉ số G, H, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Còn các thành viên còn lại không có ở, lưu trú thường xuyên tại địa chỉ trên.

Bà Trương Thị Đ cũng trình bày tại Biên bản ngày 10/4/2023, khi Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư lấy ý kiến các hộ dân trong khu vực lân cận đối với trường hợp sinh sống, sinh hoạt, thực tế và có đăng ký lưu trú tại số nhà G H: “Và thực tế sinh sống tại địa chỉ số G H chỉ có tôi và chồng, con gái tôi sinh sống có đăng ký lưu trú tại khu phố, địa phương theo quy định, còn chị tôi, anh rể và các cháu tôi mới nhập hộ khẩu khoảng giữa năm 2020 nhưng không có sinh sống tại đây.”

Như vậy, theo kết quả xác minh thì bà Trương Thị L là chủ đất, còn bà Đ là chủ hộ theo sổ hộ khẩu tại 79 Hoàng Hoa Thám không phải chủ sử dụng đất, thực tế chỉ có bà Trương Thị Đ, ông Đinh Hoàng C và cháu Đinh Hoàng Ngọc Tiên sinh

S tại đây, các thành viên còn lại không ở, lưu trú, thường trú thường xuyên. Mặc dù bà Đ, ông C có ở thường xuyên tại G H, nhưng vợ chồng bà L (chủ sử dụng đất) không sinh sống ở đây, nên tại địa chỉ thu hồi đất thực tế chỉ có 01 cặp vợ chồng sinh sống thường xuyên. Theo quy định trên một hộ gia đình có nhiều thế hệ (nhiều cặp vợ chồng) cùng chung sống được hiểu là nhiều cặp vợ chồng có nhiều thế hệ cùng chung sống, tức sinh sống cùng nhau, ở thường xuyên trong hộ khẩu gia đình nơi trên đất bị thu hồi. Do vậy hộ bà L thực tế chỉ có 01 hộ sinh sống thường xuyên nên chỉ đủ điều kiện để bố trí 01 nền tái định cư.

Còn đối với cặp vợ chồng ông Đỗ Trọng V1, bà Nguyễn Thị Xuân T4 và vợ chồng ông Đỗ Trọng Q, bà Lâm Yến N chỉ mới nhập hộ khẩu vào số 79 H từ ngày 22/6/2020. Nếu tính đến ngày Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng kiểm đếm cũng chỉ có 01 tháng 07 ngày, nếu tính từ ngày UBND tỉnh L có chủ trương hỗ trợ vốn và lập dự án giải phóng mặt bằng Công viên phường B, thành phố T (giai đoạn 2) theo Công văn 3724/UBND-KTTC - ngày 26/6/2020 chỉ có 4 ngày. Mặt khác, ông Đỗ Văn M cũng thừa nhận các con ông làm việc tại Ngân hàng TMCP Đ1 tại Thành phố Hồ Chí Minh nên thuê nhà ở trọ cuối tuần mới nên thể hiện rõ cho việc họ không chung sống, cư trú thường xuyên tại địa chỉ trên. Do đó, họ không được coi là chung sống lưu trú thường xuyên qua nhiều thế hệ nên không đủ điều kiện tách thành từng hộ riêng phải di chuyển chỗ ở như quy định.

[2.2] Như vậy, UBND thành phố T không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Đ xin giải quyết thêm lô nền tái định cư là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của bà Trương Thị Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Trương Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trương Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 101/2024/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 3, Điều 30 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ đối với UBND thành phố T về việc “Buộc thực hiện hành vi hành chính”.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Đào B1 Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An giải quyết cho bà Trương Thị Đ 01 nền nhà tái định cư.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000117 ngày 19/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000582 ngày 01/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Long An; (1)
- VKSND tỉnh Long An; (1)
- Cục THADS tỉnh Long An; (1)
- Đường sự; (5)
- Lưu: VP (6). HS (2). T18 (BA-36)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thành Long